

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1346/2026/DS-PT

Ngày: 10-7-2026

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Thẩm phán:

Bà Trịnh Thị Ánh

Bà Mai Trần Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Lê Thị Tĩnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 417/2026/TLPT-DS ngày 03/3/2026, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1751/2025/DS-ST ngày 10/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3979/2026/QĐ-PT ngày 22/6/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1953; nơi cư trú: số C N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M: Ông Nguyễn Đức D - Luật sư của Văn phòng L3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: A H, phường T, Thành Phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Lâm Thị Kim H, sinh năm: 1943 (chết ngày 21/8/2025); địa chỉ: số C N, phường B (Phường A, quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị Kim H:

1. Ông Lâm Hải T, sinh năm: 1978; vắng mặt tại phiên tòa.
2. Ông Lâm Hải S, sinh năm: 1967; có mặt tại phiên tòa.
3. Bà Lâm Thị Hải T1, sinh năm: 1969; vắng mặt tại phiên tòa.
4. Ông Lâm Hải N, sinh năm: 1964; vắng mặt tại phiên tòa.
5. Ông Lâm Trí H1, sinh năm: 1965; vắng mặt tại phiên tòa.
6. Bà Lâm Thị Hải D1, sinh năm: 1972; vắng mặt tại phiên tòa.
7. Bà Lâm Thị Kim H2, sinh năm: 1970; vắng mặt tại phiên tòa.
8. Bà Lâm Thị Kim P, sinh năm: 1974; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng cư trú: số C N, phường B (Phường A, quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Phan Tường O, sinh năm: 1985; vắng mặt tại phiên tòa.
2. Trẻ Lâm Hoàng Ngọc A, sinh năm: 2010; vắng mặt tại phiên tòa.
3. Em Lâm An K, sinh năm: 2005; vắng mặt tại phiên tòa.
4. Em Lâm Minh K1, sinh năm: 2007; vắng mặt tại phiên tòa.
5. Em Lâm Minh H3, sinh năm: 2007; vắng mặt tại phiên tòa.
6. Bà Hoàng Thị Phương L, sinh năm: 1978; vắng mặt tại phiên tòa.
7. Em Huỳnh Trọng N1, sinh năm: 2001; vắng mặt tại phiên tòa.
8. Trẻ Lâm Hoàng Kim N2, sinh năm: 2010; vắng mặt tại phiên tòa.
9. Em Lâm Đ, sinh năm: 1991; vắng mặt tại phiên tòa.
10. Bà Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm: 1983; có mặt tại phiên tòa.
11. Trẻ Lâm Gia Q, sinh năm: 2011; vắng mặt tại phiên tòa.
12. Ông Võ Thanh S1, sinh năm: 1980; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: số C N, phường B (Phường A, quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tố tụng và giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị M - trình bày:*

Nhà, đất số C đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là nhà số C) là của cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn H4 và bà Đặng Thị L2 đã tạo lập. Trước đây, khi xây dựng căn nhà trên, cha của bà đã chừa ra một khoảng trống để chứa cây và các vật dụng khác; bên trong nhà khoảng giữa căn nhà, cạnh hông nhà có làm cánh cửa để đi ra phía trước nhà. Đồng thời, cha bà cũng có làm tấm thiết chặn chia ranh đất với nhà số C đường N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là nhà số C). Sau đó, bà Lâm Thị Kim H xây nhà số C đã bỏ tấm thiết và xây lấn qua phần đất diện tích của gia đình bà, nhưng do cha mẹ bà đã già yếu nên không biết.

Ngày 21/02/2008, cha bà là ông Nguyễn Văn H4 có đo vẽ bản đồ hiện trạng vị trí ngày 21/02/2008 với diện tích đất là 107,6m². Năm 2008, Quyết định số 9795 ngày 11/12/018 của Ủy ban nhân dân quận B mở rộng đường N, giải tỏa một phần diện tích đất mặt tiền căn nhà bà là 13m², diện tích còn lại là 94,6m².

Trước khi mất, ông Nguyễn Văn H4 và bà Đặng Thị L2 có làm hợp đồng tặng cho bà nhà số C. Sau đó, bà đã làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận số: 8874/2008 ngày 29/12/2008, quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở, diện tích 77,3m² và lộ giới 30m². Gia đình bà ở ổn định từ 1955 cho đến nay, nhà đất vẫn giữ nguyên hiện trạng đất của gia đình theo giấy chứng nhận. Khi ba mẹ bà mất, bà về ở mới phát hiện ra phần đất của gia đình bà đã bị lấn chiếm.

Do bà Lâm Thị Kim H đã chết, nên bà khởi kiện yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H tháo dỡ công trình xây dựng và trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm, có diện tích: bờ vách tường lấn qua phần đất trống chiều dài 5,67m; bờ tường xây ngang 0,49m trong phần đất trống nhà bà; từ bờ tường chiều dài 1,45m thẳng ra phía trước mặt tiền lấn vô bên trong nhà 0,18m, bờ tường xéo chặn qua trước ranh đất mặt tiền nhà bà là (5,67m x 0,49m) + (1,45mx 0,18m).

** Quá trình tố tụng và giải quyết vụ án, bị đơn - bà Lâm Thị Kim H - có người đại diện hợp pháp là ông Lâm Hải S trình bày:*

Ông không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì thực tế diện tích đất như thế nào ông cũng không rõ. Ông chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết căn cứ vào việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn cứ vào bản vẽ mà Tòa án đã vẽ vào ngày 04/11/2020 để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

** Những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị Kim H có ông Lâm Hải S trình bày:*

Nhà số 397 không lấn chiếm đất nhà số C của bà M. Phần đất trống giữa hai nhà, gia đình ông có xây tường lên nhưng không sử dụng, phía gia đình bà M muốn sử dụng cứ sử dụng vì bức tường nhà của gia đình ông là tường riêng.

** Tại Bản án sơ thẩm số 1751/2025/DS-ST ngày 10/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M: Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị Kim H phải tháo dỡ và trả lại toàn bộ công trình xây dựng trên phần đất bờ vách tường lấn qua phần đất trống có chiều dài 5,67m bờ tường xây ngang 0,49m trong phần đất trống nhà bà M; tháo dỡ từ bờ tường chiều dài 1,45m thẳng ra phía trước mặt tiền lấn vô bên trong nhà 0,18m, tháo dỡ bờ tường xéo chặn qua trước ranh đất mặt tiền nhà bà M (được thể hiện tại bản vẽ hiện trạng vị trí - áp ranh số 129267/TTĐĐBĐ-VPTT ngày 04/11/2020 của Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, việc yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/12/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 280/QĐ-VKS-DS với nội dung kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp ranh giới bất động sản liền kề”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị Kim H tháo dỡ tường gạch và trả lại cho bà Nguyễn Thị M phần đất có diện tích 0,7 m² tại vị trí số (15) bản đồ số 129267/TTĐĐBĐ-VPTT ngày 4/11/2020 của Trung Tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H. Không chấp nhận yêu cầu buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị Kim H tháo dỡ tường gạch và trả lại 2,339 m² đất.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 280/QĐ-VKS-DS ngày 25/12/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5.

- Bà Nguyễn Thị M, Luật sư Nguyễn Đức D, ông Lâm Hải S và bà Nguyễn Thị Bích L1 sau khi thảo luận, cùng thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng sau:

+ Phần diện tích đất tại vị trí số (15), (20) theo Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh ngày 04/11/2020 của Trung Tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H nằm trong ranh Giấy chứng nhận số: 8874/2008/GCN thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị M. Bà M được quyền tháo dỡ các công trình xây dựng trên diện tích đất tại vị trí số (15), (20).

+ Nguyên đơn không yêu cầu tháo dỡ bức tường có chiều dài 1,45m, dày 10cm ở vị trí bắt đầu từ ranh nhà số C N theo Giấy chứng nhận số 120/2007/GCN kéo thẳng ra mặt tiền giữa hai nhà (nhà số C và nhà số C N), giữ nguyên hiện trạng bức tường này làm ranh giới giữa hai nhà. Các nội dung khác, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung vụ án như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: đối với đương sự, từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án dân sự, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy sau khi phân tích những tình tiết liên quan đến vụ án, trên cơ sở các quy định của pháp luật, xét thấy một phần nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M, ông Lâm Hải S và bà Nguyễn Thị Bích L1 cùng thống nhất đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm theo hướng như nêu trên. Xét thấy, ý kiến của các đương sự đề nghị là phù hợp với bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh và đúng quy định. Do vậy, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về nội dung xác định lại quan hệ tranh chấp; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm như ý kiến của các đương sự đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng nghị: Ngày 10/12/2025, Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử và tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1751/2025/DS-ST. Ngày 25/12/2025, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5, ban hành Quyết định kháng nghị số 280/QĐ-VKS-DS là đúng thời hạn theo quy định khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị Kim H và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị về việc xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung này theo quy định tại khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét nội dung kháng nghị còn lại của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên “Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lâm Thị Kim H phải tháo dỡ và trả lại toàn bộ công trình xây dựng trên phần đất bờ vách tường lấn qua phần đất trống có chiều dài 5,67m bờ tường xây ngang 0,49m trong phần đất trống nhà bà M; tháo dỡ từ bờ tường chiều dài 1,45m thẳng ra phía trước mặt tiền lấn vô bên trong nhà 0,18m, tháo dỡ bờ tường xéo chặn qua trước ranh đất mặt tiền nhà bà M (được thể hiện tại bản vẽ hiện trạng vị trí - áp ranh số 129267/TTĐĐBĐ-VPTT ngày 04/11/2020 của Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H)”.

[4.1] Nội dung tuyên như trên là khó hiểu, gây khó khăn cho công tác thi hành án. Bởi lẽ, nguyên đơn chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn, không tranh chấp về các công trình xây dựng trên đất; do đó, việc tuyên buộc phía bị

đơn “trả lại toàn bộ công trình xây dựng trên phần đất bờ vách tường lấn qua phần đất trống...” là không đúng, không có khả năng thi hành án.

[4.2] Nguyên đơn khởi kiện, tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn, nhưng khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc phía bị đơn tháo dỡ các công trình xây dựng trên phần đất tranh chấp, mà không xác định phần diện tích đất tranh chấp là của ai và phía bị đơn có phải giao trả phần đất tranh chấp cho nguyên đơn hay không là chưa giải quyết hết yêu cầu của đương sự.

[4.3] Căn cứ Bản vẽ hiện trạng vị trí - áp ranh số 129267/TTĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 04/11/2020 và Văn bản số 117/TTĐĐBĐ-VPTT ngày 25/01/2022 của Trung tâm Đo đạc bản đồ, xác định phần diện tích chồng lấn giữa nhà số C và 397 là: *“Phần diện tích hiện trạng nhà số C N đang sử dụng nằm trong ranh giấy chứng nhận hồ sơ gốc số 8874//2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 29/12/2008 tại vị trí số (15) trên bảng thống kê diện tích (0,7 m²)”*. Điều này thể hiện diện tích hiện trạng nhà số C xây dựng chồng lấn, đề lên ranh giới đất hợp pháp của nhà số C là 0,7 m², nằm tại vị trí số (15) trên bản đồ hiện trạng. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, mà tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện dựa trên cách tính và mô tả của nguyên đơn là không chính xác.

[5] Xét ý kiến đề nghị tại phần tranh luận của bà Nguyễn Thị M, Luật sư Nguyễn Đức D, ông Lâm Hải S và bà Nguyễn Thị Bích L1, Hội đồng xét xử nhận thấy, các đương sự trong vụ án không có kháng cáo và chấp nhận phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, chỉ có Viện kiểm sát kháng nghị. Những ý kiến đề nghị của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm không vượt quá nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định, chỉ cụ thể hơn để việc thi hành án được thuận lợi.

[6] Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo ý kiến đề nghị của các đương sự có mặt tại phiên tòa và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Các nội dung khác không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[8] Về án phí: Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Áp dụng các Điều 175, 176 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 95, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm về nội dung xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 280/QĐ-VKS-DS ngày 25/12/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1751/2025/DS-ST ngày 10/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị M:

1.1 Phần diện tích đất tại vị trí số (15), (20) theo Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh ngày 04/11/2020 của Trung Tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H nằm trong ranh Giấy chứng nhận số: 8874/2008/GCN thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị M. Bà M được quyền tháo dỡ các công trình xây dựng trên diện tích đất tại vị trí số (15), (20).

1.2 Giữ nguyên hiện trạng bức tường có chiều dài 1,45m, dày 10cm ở vị trí bắt đầu từ ranh nhà số C N theo Giấy chứng nhận số 120/2007/GCN kéo thẳng ra mặt tiền giữa hai nhà (nhà số C và nhà số C N), làm ranh giới giữa hai nhà.

(Đính kèm Bản vẽ hiện trạng vị trí - áp ranh số 129267/TTĐĐBĐ-VPTT do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 04/11/2020).

2. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (D/25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Toại